

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: ~~4348~~ UBND-KTTH

Về tình hình giải ngân
vốn trái phiếu Chính phủ
qua các năm 2012, 2013
và năm 2014

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 8 năm 2015

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

CV ĐẾN	Số: 65.34
	Ngày: 31/8/15
	Chuyên: Thực hiện

Kính gửi: Bộ kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về rà soát tình hình giải ngân kế hoạch vốn TPCP các năm 2012, 2013, 2014 còn lại và đề xuất nhu cầu sử dụng, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo như sau:

Tổng kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 của tỉnh Quảng Ngãi được trung ương giao là 526,833 tỷ đồng thuộc các ngành giao thông, thủy lợi, y tế và giáo dục đào tạo. Trong đó, tổng kế hoạch vốn đã giao trong 3 năm 2012, 2013, 2014 là 514,408 tỷ đồng; giá trị giải ngân đến hết thời hạn thanh toán theo quy định là 474,561 tỷ đồng, còn lại **39,847 tỷ đồng** chưa giải ngân.

Mặt khác, tại Quyết định số 116/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 85/QĐ-BKHĐT ngày 17/01/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trung ương đã cho phép tỉnh Quảng Ngãi thực hiện điều chuyển kế hoạch vốn giai đoạn 2012-2015 trong khi không thực hiện điều chỉnh đồng thời kế hoạch vốn năm 2013. Do đó, phát sinh trường hợp kế hoạch vốn của các dự án trong năm 2013 cao hơn so với kế hoạch vốn giai đoạn 2012-2015 (*vượt 2,965 tỷ đồng, vì vốn giai đoạn 2012-2015 đã được điều chỉnh giảm*). Ngoài ra, trung ương đã giao kế hoạch vốn năm 2014 cho dự án Di dân, tái định cư Hồ chứa nước Nước Trong vượt so với kế hoạch vốn trung hạn là 3,869 tỷ đồng. Như vậy, tổng kế hoạch vốn năm 2013 và 2014 của các dự án vượt so với kế hoạch vốn giai đoạn 2012-2015 là **6,834 tỷ đồng**.

Để chuẩn xác lại số liệu về kế hoạch vốn giai đoạn 2012-2015, đồng thời đề xuất nhu cầu tiếp tục sử dụng kế hoạch vốn giai đoạn 2012-2015 của các dự án theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 3623/BTC-ĐT ngày 19/3/2015 về việc kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2012, 2013, 2014, UBND tỉnh kính báo cáo một số nội dung sau:

1. Đối với kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ các năm 2012, 2013, 2014 chưa giải ngân hết là **39,847 tỷ đồng**, cụ thể:

(1) Đăng ký tiếp tục giải ngân **6,331 tỷ đồng** thuộc các dự án còn nhu cầu về vốn.

- Dự án Đường Ba Tơ – Ba Lẽ là 1,907 tỷ đồng; trong đó, thuộc kế hoạch vốn năm 2012 là 0,274 tỷ đồng (*kế hoạch vốn đã giao là 1,5 tỷ đồng, đã giải ngân 1,226 tỷ đồng*) và kế hoạch năm 2014 là 1,633 tỷ đồng (*chưa giải ngân*).

- Đường Trà Phong – Trà Thanh là 4,029 tỷ đồng thuộc kế hoạch vốn giao năm 2014 (kế hoạch giao là 14,734 tỷ đồng, đã giải ngân được 10,705 tỷ đồng).

- Dự án Di dân, tái định cư Hồ chứa nước Nước Trong là 0,395 tỷ đồng thuộc kế hoạch năm 2014 (kế hoạch đã giao là 84,264 tỷ đồng nhưng sau khi trừ 3,869 tỷ đồng giao vượt kế hoạch vốn giai đoạn, còn lại 80,395 tỷ đồng được phép giải ngân; đã giải ngân 80,0 tỷ đồng).

(2) Thu hồi **3,516 tỷ đồng [1]** thuộc 08 dự án đã giải ngân đủ nhu cầu vốn hoàn thành dự án.

(3) Thu hồi theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại văn bản số 346/KTNN-TH ngày 21/10/2013 là **30,0 tỷ đồng [2]** thuộc dự án Tuyến đường Trà My – Trà Bồng – Dung Quất (Đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi).

2. Đối với tổng kế hoạch vốn năm 2013 và 2014 của các dự án giao vượt so với kế hoạch vốn giai đoạn 2012-2015 là **6,834 tỷ đồng**, đề nghị hủy bỏ kế hoạch.

3. Kiến nghị

Trong thời gian vừa qua, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có nhiều văn bản kiến nghị Trung ương bổ sung kế hoạch vốn để tiếp tục thực hiện dự án Di dân, tái định cư Hồ chứa nước Nước Trong (phần tăng tổng mức đầu tư sau khi điều chỉnh đã được Trung ương chấp thuận bố trí thực hiện từ nguồn vốn ngân sách Trung ương) nhưng đến nay chưa được bố trí. Trước khi điều chỉnh tổng mức đầu tư, dự án được bố trí đầu tư từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ. Hiện nay, dự án đang rất cần bổ sung vốn để hoàn thành các hạng mục còn lại. Do vậy, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét cho điều chuyển **33,516 tỷ đồng** (thuộc kế hoạch của các dự án không còn nhu cầu sử dụng tại điểm [1]+[2]), bổ sung cho dự án Di dân, tái định cư Hồ chứa nước Nước Trong, để thanh toán khối lượng hoàn thành của dự án (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (b/cáo);
- Bộ Tài chính (b/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- VPUB: C,PCVP, CBTH;
- Lưu:VT, KTTH.việt 463



CHỦ TỊCH

Lê Viết Chữ

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư theo quy định tại Nghị quyết 81 hoặc Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh theo quy định tại các Quyết định giao kế hoạch TPCP năm 2012 của			Lấy kế vốn để bổ trợ đầu kết KH năm 2011		Kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2012-2015 và bổ sung giai đoạn 2014-2016 được giao			Kế hoạch và giải ngân vốn TPCP năm 2012			Kế hoạch và giải ngân vốn TPCP năm 2013			Kế hoạch và giải ngân vốn TPCP năm 2014			Số vốn TPCP được Thủ tướng Chính phủ cho vay trước giải ngân đầu kết năm 2015 (Số QĐ số 237/QĐ-TTg và QĐ số 1918/QĐ-BCH/ST ngày 27/12/2014 (sau có)	Năm của giải ngân số vốn TPCP các năm 2012, 2013, 2014 của lại đầu kết năm 2015	Tổng số vốn TPCP các năm 2012, 2013, 2014 của lại đầu kết năm 2015	Trong đó	Đã nghị đầu kết 773 dự án vốn giải ngân 2012-2015	Chỉ chi					
					Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Trong đó: TPCP	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	KH vốn TPCP giao ban đầu	KH vốn TPCP điều chỉnh (nếu có)	Giải ngân đầu kết thời gian quy định	KH vốn TPCP giao ban đầu	KH vốn TPCP điều chỉnh (nếu có)	Giải ngân đầu kết thời gian quy định	KH vốn TPCP giao ban đầu	KH vốn TPCP điều chỉnh (nếu có)	Giải ngân đầu kết thời gian quy định	KH vốn TPCP giao ban đầu							KH vốn TPCP điều chỉnh (nếu có)	Giải ngân đầu kết thời gian quy định			
																																	Trong đó:		
																																	KH vốn TPCP giao ban đầu(1)	KH vốn TPCP điều chỉnh (nếu có)(2)	Bổ sung giai đoạn 2014-2016
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33			
8	Đường Ba To - Ba Lê	Huyện Ba To	13,77 km	2009-2010	317/QĐ-UBND, 26/02/2009	30.331	30.331				23.792	23.792	3.133	4.000	3.133		2.090	1.900	1.226					1.633	1.633										
9	Đường Trà Phụng - Trà Thanh	Huyện Trà Trại	22,31 km	2009-2010	547/QĐ-UBND, 31/3/2009	52.815	52.815				25.649	25.649	27.000	27.000	27.000		5.000	7.493	7.493	4.000	4.000	4.000		14.734	14.734	10.703									
II	Các dự án giao thông khác					1.459.852	1.459.852		2.227.153	2.190.633	1.048.393	1.048.393	1.008.191	232.528	238.191	770.000	33.000	33.000	33.000	101.133	101.133	101.133		91.633	291.633	261.633	400.363								
Danh mục dự án hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2013																																			
10	Trạm đường Trà Mỹ - Trà Bông - Dung Quắc (Đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi)	Bình Sơn, Trà Bông	57km	2006-2010	3464/QĐ-UBND, 28/12/2006;	730.152	730.152	645/QĐ-UBND, 04/5/2010	730.152	730.152	566.079	566.079	40.025	60.000	40.025		8.950	8.950	8.950	1.075	1.075	1.075		30.000	30.000										
Danh mục dự án hoàn thành (tháng năm 2015)																																			
11	Đường ven biển Dung Quắc - Sa Huỳnh (giai đoạn 1 đoạn Dung Quắc - Trà Khế)	Bình Sơn, Sơn Tịnh	29 km	2009-2015	523/QĐ-UBND ngày 14/3/2007; 1878/QĐ-UBND 29/10/2008	728.900	728.900	230/QĐ-UBND 24/2/2014	1.497.000	1.450.480	482.314	482.314	968.166	172.528	198.166	770.000	24.050	24.050	24.050	100.058	100.058	100.058		61.633	261.633	261.633	400.363								
NGÀNH THỦY LỢI					693.174	693.174		463.952	463.952	498.566	498.566	238.040	233.385	229.436		66.665	66.665	66.665	82.376	82.376	82.369		84.264	84.264	80.000										
TỈNH QUẢNG NGÃI					693.174	693.174		463.952	463.952	498.566	498.566	238.040	233.385	229.436		66.665	66.665	66.665	82.376	82.376	82.369		84.264	84.264	80.000										
I	Thủy lợi miền núi					73.497	73.497		58.679	58.679	72.002	72.002	7.240	9.429	7.240		5.700	5.700	5.700	1.540	1.540	1.540													
Danh mục dự án hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2013																																			
12	Hồ chứa nước Suối Lon	Ba To	130ha	2008-2010	2430/QĐ-UBND, 02/11/2007	20.831	20.831	1200/QĐ-UBND, 15/7/2008	26.156	26.156	23.863	23.863	1.037	2.293	1.037		1.500	1.037	1.037																
13	Hồ chứa nước Hồ Cú	Mình Long	163ha	2006-2008	491/QĐ-CT, 16/2/2005, 1630/QĐ-UBND, 03/10/2008;	21.468	21.468	511/QĐ-UBND, 05/4/2010	24.523	24.523	20.577	20.577	2.567	3.500	2.567		2.000	2.463	2.463	104	104	104													
14	Hồ chứa nước Hóc Xoài	Tr Trà Nghĩa	240ha	2008-2010	2429/QĐ-UBND, 02/11/2007; 2504/QĐ-UBND, 13/2/2009	31.198	31.198				27.562	27.562	3.636	3.636	3.636		2.200	2.200	2.200	1.436	1.436	1.436													
II	Thủy lợi khác					589.477	589.477		372.777	372.777	392.864	392.864	211.000	211.000	210.396		55.000	55.000	55.000	75.001	75.001	75.001		84.264	84.264	80.000									
Các dự án Hợp phần bổ chữa nước Hòa Trung					589.477	589.477		372.777	372.777	392.864	392.864	211.000	211.000	210.396		55.000	55.000	55.000	75.001	75.001	75.001		84.264	84.264	80.000										
Danh mục dự án hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2013																																			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năm học tính kể	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư theo quy định tại Nghị quyết 88/1 hoặc Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh theo quy định tại các Quyết định giao kế hoạch TPCP năm 2012 cũ			Lấy kế vốn từ tài trợ của KH năm 2011		Kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2012-2015 và bổ sung giai đoạn 2014-2016 được giao			Kế hoạch và giải ngân vốn TPCP năm 2012			Kế hoạch và giải ngân vốn TPCP năm 2013			Kế hoạch và giải ngân vốn TPCP năm 2014			Số vốn TPCP được Thủ tướng Chính phủ cho vay trước giải ngân của kế hoạch năm 2015 theo QĐ số 2379/QĐ-TTg và QĐ số 1918/QĐ-BKSBT ngày 27/12/2014 (nếu có)	Năm của giải ngân số vốn TPCP các năm 2012, 2013, 2014 còn lại không có năm của chi số	Tổng số vốn TPCP	Đề nghị thẩm kế hoạch	Chú thích								
					Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Trong đó: TPCP	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	KH vốn TPCP điều chỉnh (nếu có)	KH vốn TPCP điều chỉnh (nếu có)	Giải ngân của kế thời gian quy định	KH vốn TPCP điều chỉnh (nếu có)	Giải ngân của kế thời gian quy định	KH vốn TPCP điều chỉnh (nếu có)	Giải ngân của kế thời gian quy định	KH vốn TPCP điều chỉnh (nếu có)	Giải ngân của kế thời gian quy định													
																														Trong đó:		Bổ sung giai đoạn 2014-2016	KH vốn TPCP điều chỉnh (nếu có)	KH vốn TPCP điều chỉnh (nếu có)	Giải ngân của kế thời gian quy định	KH vốn TPCP điều chỉnh (nếu có)	Giải ngân của kế thời gian quy định
																														Giai đoạn 2012-2015							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33					
15	Dự án đường Di Lăng - Trì Trung	Sơn Hà	31,7 km	2005-2010	249/QĐ-UBND, 13/02/2009	216.700	216.700				183.275	183.275	11.000	11.000	10.396			5.000	5.000	5.000	5.396	5.396	5.396														
	Danh mục dự án dự kiến hoàn thành năm 2015																																				
16	Dự án Di dân, tái định cư Hồ chứa nước Nước Trung	Sơn Hà	7 khu, 3 điểm TBC	2005-2010	270/QĐ-UBND, 17/02/2009	372.777	372.777	270/QĐ-UBND, 17/02/2009	372.777	372.777	209.589	209.589	200.000	200.000	200.000			50.000	50.000	50.000	69.605	69.605	69.605	84.264	84.264	80.000			395	3.869	3.869	Đề nghị thẩm kế hoạch năm 2014 là 3.869 tỷ đồng					
III	Các dự án an toàn hồ chứa					30.200	30.200			40.496	40.496	33.700	33.700	11.800	12.876	11.800		5.965	5.965	5.965	5.835	5.835	5.728						107	107							
	Danh mục dự án hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2013																																				
17	Sân chứa, nâng cấp hồ chứa nước Lấp Sơn	Huyện Đức Phổ	2500 ha	2009-2010	4681/QĐ-BNN-QLN, 21/10/2003;	3.200	3.200	1297/QĐ-UBND, 27/9/2010	8.694	8.694	5.700	5.700	2.705	3.000	2.705			1.500	1.500	1.500	1.205	1.205	1.098						107	107		Đề nghị thẩm kế hoạch năm 2013 là 0,107 tỷ đồng					
18	Hồ Thủy Lợi	Huyện Lý Sơn	61 ha	2009-2011	279/QĐ-UBND, 17/02/2006;	27.000	27.000	418/QĐ-UBND, 19/3/2010	31.802	31.802	28.000	28.000	9.095	9.876	9.095			4.465	4.465	4.465	4.630	4.630	4.630														